

Số: 01 /2022/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày 19 tháng 4 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ TƯ
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, Kỳ họp thứ tư (kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 19 tháng 4 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội; Chính phủ;
- Các bộ: KH&ĐT, Tài chính, LĐTB&XH;
- KTNN khu vực VII;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT: TU, HĐND, UBND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT: HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Báo Lào Cai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Cường

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
Giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Kèm theo Nghị quyết số 01 /2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2022
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình) trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan cấp tỉnh); các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi tắt là huyện); các cơ quan, tổ chức, cá nhân và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 để thực hiện Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công và phân bổ vốn sự nghiệp thuộc Chương trình.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; đẩy mạnh thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Việc phân bổ vốn từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là các huyện nghèo, xã nghèo. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

4. Việc phân bổ cụ thể nguồn vốn ngân sách trung ương và vốn đối ứng

của ngân sách địa phương cho các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch và dự toán ngân sách hằng năm; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước; tỷ lệ thanh toán và kết quả thực hiện dự toán vốn sự nghiệp của năm trước.

Điều 4. Tiêu chí phân bổ vốn

1. Quy mô dân số của các địa phương để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Tổng cục Thống kê năm 2021.
2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của các địa phương để tính hệ số được xác định theo Quyết định số 4215/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 – 2025.
3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới; đơn vị hành chính cấp xã của huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.
4. Xã đặc biệt khó khăn để tính hệ số được xác định căn cứ vào Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.
5. Huyện nghèo được xác định theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, gồm các huyện: Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát.
6. Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tính hệ số căn cứ vào số lượng thực tế tính đến 31 tháng 12 năm 2021; Số lượng tuyển sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố để tính hệ số căn cứ báo cáo kết quả tuyển sinh năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.
7. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

Điều 5. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương.

1. Ngân sách địa phương bố trí tối thiểu bằng 10% tổng vốn ngân sách trung ương giao cho tỉnh quản lý, thực hiện Chương trình.
2. Ngân sách của thành phố Lào Cai bố trí tối thiểu bằng 10% tổng vốn ngân sách trung ương được giao cho thành phố.
3. Ngân sách các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn và thị xã Sa Pa: Bố trí tối thiểu bằng 3% tổng vốn ngân sách trung ương được giao cho các huyện; ngân sách tỉnh bố trí 7% tổng vốn ngân sách trung ương được giao cho các huyện, thị xã.

4. Các huyện nghèo (*Si Ma Cai, Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát*): Ngân sách cấp tỉnh bố trí tối thiểu bằng 10% tổng vốn ngân sách trung ương được giao cho các huyện.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Dự án Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội cho các huyện nghèo (Dự án 1)

1. Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương cho các huyện nghèo.
 2. Tiêu chí và hệ số, phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho từng huyện.
- a) Tiêu chí và hệ số:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Quy mô dân số của huyện	
Dưới 10.000 hộ	0,15
Từ 10.000 hộ đến dưới 15.000 hộ	0,17
Từ 15.000 hộ trở lên	0,2
Tiêu chí 2. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Từ 51% đến dưới 68%	0,46
Từ 68% trở lên	0,5
Tiêu chí 3. Đặc điểm địa lý của huyện nghèo	
Huyện có xã biên giới	0,14
Huyện thuộc khu vực miền núi, vùng cao	0,12
Tiêu chí 4. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Từ 10 đến dưới 20 xã	0,12
Từ 20 xã trở lên	0,14

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn đầu tư phát triển cho từng huyện theo công thức: $A_i = Q \times X_i$, trong đó:

A_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

X_i là tổng số hệ số của các tiêu chí của huyện thứ i ;

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện nghèo để thực hiện Dự án 1.

c) Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng: Bằng 10% vốn đầu tư phát triển của ngân sách trung ương theo kế hoạch của từng huyện.

Điều 6. Dự án Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (Dự án 2)

1. Phân bổ tối đa 15% vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh; phân bổ tối thiểu 85% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí và hệ số, phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho từng huyện.

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ.

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 17%	0,4
Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5
Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7
Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã đặc biệt khó khăn	0,12
Tiêu chí 4. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến dưới 13 xã	1,2
Từ 13 đến dưới 16 xã	1,4
Từ 16 đến dưới 19 xã	1,7
Từ 19 xã trở lên	2

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho từng huyện theo công thức: $C_i = Q \times X_i \times Y_i$, trong đó:

C_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

Y_i là tổng hệ số tiêu chí 3 và tiêu chí 4 của huyện thứ i theo công thức:
 $Y_i = 0,12 \times HNi + ĐVi$;

HNi là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i ;

$ĐVi$ là hệ số tiêu chí 4 của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 2.

Điều 7. Dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (Dự án 3)

1. Tiểu dự án 1 - Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

a) Phân bổ tối đa 15% vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 85% cho cấp huyện.

a) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho từng huyện

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 17%	0,4
Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5
Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7
Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã đặc biệt khó khăn	0,12
Tiêu chí 4. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 10 xã	1

Từ 10 đến dưới 13 xã	1,2
Từ 13 đến dưới 16 xã	1,4
Từ 16 đến dưới 19 xã	1,7
Từ 19 xã trở lên	2

b) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho từng huyện theo công thức: $\mathbf{\bar{D}i} = \mathbf{Q} \times \mathbf{Xi} \times \mathbf{Yi}$, trong đó:

$\bar{D}i$ là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

Xi là tổng số các hệ số tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

Yi là tổng hệ số tiêu chí 3 và tiêu chí 4 của huyện thứ i theo công thức:
 $Yi = 0,12 \times HNi + \bar{D}Vi$.

HNi là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i ;

$\bar{D}Vi$ là hệ số tiêu chí 4 của huyện thứ i ;

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3.

2. Tiểu dự án 2 - Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ tối đa 10% vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn cho từng huyện:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã đặc biệt khó khăn	0,12
Tiêu chí 2. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến dưới 13 xã	1,2
Từ 13 đến dưới 16 xã	1,4
Từ 16 đến dưới 19 xã	1,7
Từ 19 xã trở lên	2

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho từng huyện theo công thức: $\mathbf{Ei} = \mathbf{Q} \times \mathbf{Yi}$, trong đó:

Ei là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

Y_i là tổng hệ số tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện thứ i theo công thức:
 $Y_i = 0,12 \times HNi + ĐVi$;

HNi là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i ;

$ĐVi$ là hệ số tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho các huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 của Dự án 3.

Điều 8. Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (Dự án 4)

1. Tiểu dự án 1 - Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn.

a) Vốn đầu tư: Phân bổ 100% vốn ngân sách trung ương thực hiện tiểu dự án 1 để đầu tư cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 40% cho cấp huyện để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn; tối thiểu 40% cho cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

c) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 17%	0,4
Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5
Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7
Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9

Tiêu chí 3. Cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của huyện	
Mỗi trung tâm giáo dục nghề nghiệp	0,1
Tiêu chí 4. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn các huyện	
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho cấp huyện theo công thức: $I_i = Q \times X_i$, trong đó:

I_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng các hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức: $X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + (TR_i + TS_i)$

TL_i là hệ số tiêu chí 1 của huyện thứ i ;

QM_i là hệ số tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

TR_i là hệ số tiêu chí 3 của huyện thứ i ;

TS_i là hệ số tiêu chí 4 trên địa bàn huyện thứ i ;

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để hỗ trợ các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn.

d) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 17%	0,4
Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5

Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7
Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã đặc biệt khó khăn	0,12
Tiêu chí 4. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Mỗi xã, phường, thị trấn	0,0092
Tiêu chí 5. Số lượng tuyển sinh trên địa bàn các huyện	
Dưới 200 người/năm	0,5
Từ 200 người/năm đến dưới 400 người/năm	0,6
Từ 400 người/năm trở lên	0,7

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho cấp huyện theo công thức: $K_i = Q \times X_i$, trong đó:

K_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i .

X_i là tổng số hệ số tiêu chí của huyện thứ i theo công thức: $X_i = TL_i + QM_i + 0,12 \times HNi + ĐV_i + TS_i$

TL_i là hệ số tiêu chí 1 của huyện thứ i ;

QM_i là hệ số tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

HNi là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i ;

$ĐV_i$ là hệ số tiêu chí 4 của huyện thứ i ;

TS_i là hệ số tiêu chí 5 của huyện thứ i ;

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiêu dự án 2 - Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

Hằng năm, căn cứ nhu cầu thực tế của địa phương, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương giao để thực hiện.

3. Tiểu dự án 3 - Hỗ trợ việc làm bền vững.

a) Vốn đầu tư: Phân bổ 100% tổng số vốn cho các cơ quan cấp tỉnh.

b) Vốn sự nghiệp: Phân bổ tối đa 35% tổng số vốn cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho cấp huyện.

Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 17%	0,4
Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5
Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7
Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3. Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn huyện	
Dưới 25.000 người	1
Từ 25.000 người đến dưới 35.000 người	1,3
Từ 35.000 người đến dưới 45.000 người	1,6
Từ 45.000 người đến dưới 55.000 người	1,9
Từ 55.000 người đến dưới 65.000 người	2,2
Từ 65.000 người trở lên	2,5

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho từng huyện theo công thức: $M_i = Q \times X_i \times Y_i$ trong đó:

M_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

Y_i là hệ số tiêu chí 3 của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương để phân bổ cho từng huyện thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4.

Điều 9. Dự án Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo (Dự án 5)

1. Hằng năm căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương, Sở Giao thông, Vận tải – Xây dựng chủ trì phối hợp Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện nghèo rà soát, tổng hợp nhu cầu hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn, xây dựng phương án chi tiết tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết vốn sự nghiệp ngân sách trung ương thực hiện Dự án 5.

2. Định mức hỗ trợ: Nhà xây mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà 20.000.000 đồng/hộ.

Điều 10. Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (Dự án 6)

1. Tiểu dự án 1 - Giảm nghèo về thông tin

Hằng năm căn cứ vào nhu cầu thực tế của địa phương, Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, tổng hợp và xây dựng phương án tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết nguồn vốn ngân sách trung ương giao để thực hiện Tiểu dự án 1.

2. Tiểu dự án 2 - Truyền thông và giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ tối đa 35% vốn ngân sách trung ương của Tiểu dự án cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 65% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1. Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 17%	0,4
Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2. Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5
Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7

Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3. Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã đặc biệt khó khăn	0,12
Tiêu chí 4. Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến dưới 13 xã	1,2
Từ 13 đến dưới 16 xã	1,4
Từ 16 đến dưới 19 xã	1,7
Từ 19 xã trở lên	2

Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn ngân sách trung ương cho từng huyện theo công thức: $P_i = Q \times X_i \times Y_i + D_i$, trong đó:

P_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện thứ i ;

Y_i là tổng hệ số tiêu chí 3 và tiêu chí 4 của huyện thứ i theo công thức:
 $Y_i = 0,12 \times H_{Ni} + ĐV_i$;

H_{Ni} là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i ;

$ĐV_i$ là hệ số tiêu chí 4 của huyện thứ i ;

D_i là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiêu dự án của huyện thứ i ;

Q là vốn bình quân cho một huyện theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

Trong đó: G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 6.

Điều 11. Dự án Nâng cao năng lực giám sát, đánh giá chương trình (Dự án 7)

1. Phân bổ tối đa 25% vốn ngân sách trung ương cho các cơ quan cấp tỉnh; tối thiểu 75% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho từng huyện:

Tiêu chí	Hệ số
Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện.	
Dưới 17%	0,4

Từ 17% đến dưới 34%	0,5
Từ 34% đến dưới 51%	0,6
Từ 51% trở lên	0,7
Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của huyện	
Dưới 1.500 hộ	0,4
Từ 1.500 hộ đến dưới 3.000 hộ	0,45
Từ 3.000 hộ đến dưới 4.500 hộ	0,5
Từ 4.500 hộ đến dưới 6.000 hộ	0,6
Từ 6.000 hộ đến dưới 7.500 hộ	0,7
Từ 7.500 hộ đến dưới 9.000 hộ	0,8
Từ 9.000 hộ trở lên	0,9
Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn	
Mỗi xã đặc biệt khó khăn	0,12
Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của huyện	
Dưới 10 xã	1
Từ 10 đến dưới 13 xã	1,2
Từ 13 đến dưới 16 xã	1,4
Từ 16 đến dưới 19 xã	1,7
Từ 19 xã trở lên	2

Phương pháp tính, xác định vốn ngân sách trung ương phân bổ cho từng huyện theo công thức: $R_i = Q \times X_i \times Y_i$, trong đó:

R_i là vốn ngân sách trung ương phân bổ cho huyện thứ i ;

X_i là tổng số các hệ số tiêu chí 1 và tiêu chí 2 của huyện thứ i .

Y_i là tổng hệ số tiêu chí 3 và tiêu chí 4 của huyện thứ i theo công thức:
 $Y_i = 0,12 \times H_{Ni} + ĐV_i$.

H_{Ni} là số xã đặc biệt khó khăn của huyện thứ i ;

$ĐV_i$ là hệ số tiêu chí 4 của huyện thứ i .

Q là vốn bình quân cho một huyện theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \times Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các huyện để thực hiện Dự án 7.